



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP**  
**CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ**

## BẢN TIN THAN NGÀY

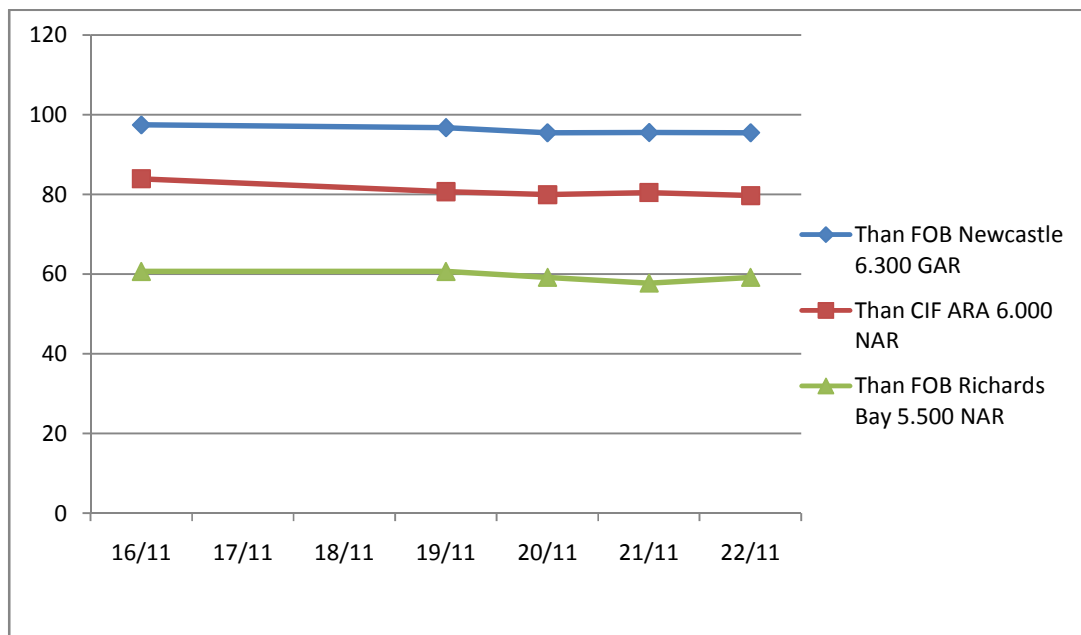
Ngày 26/11/2018

### CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Theo chuyên	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	95,50	-0,05	N/A	N/A
CIF ARA 6.000 NAR	79,70	-0,75	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	57,85	+0,10	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	68,10	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	47,50	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	36,75	-0,30	253,92	-2,14
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	55,20	-0,05	381,40	-0,45
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	71,20	+0,00	491,95	-0,13

### GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 22/11/2018)

## **ĐIỂM TIN**

### **Cước vận chuyển than bằng đường biển của Trung Quốc tiếp tục giảm**

Tính tới ngày 20/11, giá cước vận chuyển than đường biển từ cảng Qinhuangdao (phía Bắc Trung Quốc) tới các cảng khác như Zhangjiagang, Shanghai và Guangzhou ở phía Đông và Nam vẫn tiếp tục giảm. Cụ thể cước vận chuyển chặng Qinhuangdao – Zhangjiagang (thuộc tỉnh Jiangsu, miền Đông Trung Quốc) cho tàu trọng tải 20.000 – 30.000 tấn ở mức 39,7 NDT/tấn (tương đương 5,72 USD/tấn) - giảm 5,9 NDT/tấn so với tuần trước đó. Cước vận chuyển chặng Qinhuangdao – Shanghai (phía Đông Trung Quốc) cho tàu trọng tải 40.000 – 50.000 tấn ở mức 32 NDT/tấn, giảm 5,4 NDT/tấn so với tuần trước đó. Cước vận chuyển chặng Qinhuangdao – Guangzhou (thuộc tỉnh Guangdong, phía Nam Trung Quốc) cho tàu trọng tải 50.000 – 60.000 tấn ở mức 42,6 NDT/tấn, giảm 5,6 NDT/tấn so với tuần trước đó. Được biết, mức tiêu thụ than tại các NMNĐ hạ nguồn xuống thấp đã khiến cước vận chuyển than đường biển giảm theo. Theo đó, lượng than dự trữ tại cảng Qinhuangdao đã tăng từ mức 5,455 triệu tấn tuần trước đó lên 5,645 triệu tấn – tính đến thứ 3 (20/11).

### **Sản lượng than của New Hope (Australia) giảm trong giai đoạn từ tháng 8 đến tháng 10**

Sản lượng than thương phẩm của New Hope (Australia) trong giai đoạn từ tháng 8 đến tháng 10 năm nay chỉ đạt 2 triệu tấn, giảm 16% so với mức 2,38 triệu tấn cùng kỳ năm ngoái. Sản lượng than khai thác từ các mỏ New Acland và Jeebropilly tại Queensland (New Hope sở hữu 100%) và mỏ Bengalla tại New South Wales (New Hope sở hữu 40%) đều có xu hướng giảm. Các mỏ tại khu vực Queensland của New Hope cho sản lượng than thương phẩm 1,12 triệu tấn, giảm 17% so với mức 1,35 triệu tấn của năm ngoái, mỏ Bengalla cho sản lượng 878.000 tấn, giảm 15% so với mức 1,03 triệu tấn của năm ngoái.

Nguyên nhân khiến sản lượng than tại các mỏ của New Hope tại Queensland giảm là do ảnh hưởng bởi các cơn mưa kéo dài. Được biết, công ty sẽ trang bị một số xe tải tại mỏ Bengalla trong quý tới nhằm mục đích tăng sản lượng. Đồng thời, New Hope đã cam kết sẽ mua thêm 40% cổ phần tại mỏ Bengalla từ công ty Wesfarmers với giá 860 triệu AUD (tương đương 622 triệu USD). Dự kiến thương vụ trên sẽ hoàn thành vào cuối năm 2018 đến đầu năm 2019. Trong khi đó, khối lượng than công ty đã bán ra trong quý III là 2,07 triệu tấn, giảm 4% so với mức 2,15 triệu tấn cùng kỳ năm ngoái. Tổng khối lượng than đã bán ra trong quý III bao gồm 1,17 triệu tấn từ khu vực Queensland và 901.000 tấn từ khu vực New South Wales.

### **NLC Tamilnadu Power tìm mua 1,4 triệu tấn than nhập khẩu**

Công ty NLC Tamilnadu Power thuộc sở hữu của chính phủ Ấn Độ, vừa phát hành một gói thầu mua 1,4 triệu tấn than nhập khẩu (nguồn than bất kỳ), nhằm cung cấp cho NMNĐ công suất 1.000 MW ở Tuticorin, bang Tamilnadu, miền Nam Ấn Độ. Chất lượng than trong gói thầu có nhiệt trị khoảng 5.500-5.800 kcal/kg GAR, độ ẩm tối đa 20% arb, độ tro tối đa 16% adb, hàm lượng lưu huỳnh tối đa 0,9% adb. Tuy nhiên, cơ sở tính giá là than nhiệt trị 5.800 kcal/kg GAR, với độ ẩm 16% arb, độ tro 10% adb và hàm lượng lưu huỳnh 0,8% adb. Các công ty tham gia dự thầu sẽ phải đưa ra giá theo điều kiện CIF hoặc theo giá giao bán lại (high sea sales) tại cảng Tuticorin, bờ biển miền Đông Ấn Độ. Toàn bộ than nhập khẩu phải được giao trong vòng 12 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu vận chuyển, khối lượng 200.000 tấn/tháng. NPTL là một công ty liên danh giữa Neyveli Lignite Corp (NLC), The Tamil Nadu Generation và Distribution Corporation Limited (TANGEDCO). Gói thầu sẽ kết thúc vào ngày 27/11.

(Nguồn: [www.platts.com](http://www.platts.com))

## **CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ**

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn
				Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	7,55	+0,00
	Queensland	Nhật Bản	8,45	-0,50
	New South Wales	Hàn Quốc	9,30	-0,50
Panamax	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,80	-0,20

(70.000 tấn)	Kalimantan	Tây Ấn Độ	8,20	-0,10
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	13,00	-0,25
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	6,75	-0,10
	Australia	Trung Quốc	11,60	+0,00
	Australia	Ấn Độ	13,00	+0,00

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 22/11/2018)